

Intermediate (I256)

Lập trình là tiếng Anh kiểu mới

Coding is the new English

Lan: Con Linh **nhà chị** nói **thằng** Toàn nhà em không đi học tiếng Anh nữa. **Con bé** nhớ **thằng** Toàn đó!

My Linh tells me that your Toan doesn't go to English class any more. She misses Toan!

An: **À**, tại vợ em quyết định **cho** nó học lập trình **thay vì** tiếng Anh đó.

Oh, it's because my wife decided to get him to learn coding instead of English.

Lan: Vậy hả? Lập trình là **xu thế** mới, phải không?

Really? Coding is a new trend, right?

An: Dạ, hình như vậy. Với lại tại em thấy **dù gì** nó **cũng** học tiếng Anh ở trường rồi, vậy **đi học thêm** chi nữa? **Còn** lập trình **thì** không được học ở trường.

Well, it seems so. Also, we think in any case, he's learning English at school, so why go to extra classes? Coding, on the other hand, can't be learned at school.

Lan: Phải ha. Mà chị **cũng** không chắc lập trình là gì...

Right. But I'm not even sure what coding is...

An: **À**, lập trình là làm việc trên máy tính đó chị. Tạo trang web hay **thiết kế** game **nè**. Thằng Toàn muốn làm **thiết kế** game. Chắc giờ

đó là **công việc mơ ước** của **mấy đứa con trai**.

Oh, coding is working on a computer. Creating websites or designing games. Toan wants to design games. I suppose these days that's a dream job for boys.

Lan: Ừa, vậy để chị nói cho con Linh biết sao thằng Toàn không học tiếng Anh nữa. **Con nhỏ cứ hỏi hoài**. Có khi... nó thích thằng Toàn đó!

Yeah, then I'll let Linh know why Toan doesn't study English any more. She keeps asking. Maybe... she *likes* Toan!

An: Chắc không phải đâu, **tụi nó** là con nít **mà**. Tụi nó còn quá nhỏ để **yêu đương**. Với lại, tụi nó còn bận học nữa.

Probably not, they're only children. They're still too young to be getting into relationships. Also, they're too busy studying.

Lan: Ồ, em nói đúng. Thôi, để chị nói với con Linh là... **nói sao đây ta...** lập trình là yêu đương kiểu mới...

Yeah, you're right. OK, I'll tell Linh that... how to say... coding is the new romance...

Vocabulary

lập trình	<i>coding</i>
con bé/ con nhỏ	<i>girl</i>
thằng bé/ thằng nhỏ	<i>boy</i>
thay vì	<i>instead of</i>
xu thế	<i>trend</i>
dù gì... cũng	<i>in any case</i>
đi học thêm	<i>go to extra classes</i>
thiết kế	<i>design</i>
công việc mơ ước	<i>dream job</i>
mấy đứa con trai	<i>boys</i>
mấy đứa con gái	<i>girls</i>
mấy đứa con nít/ con nít	<i>children</i>
cứ... hoài	<i>always, continually</i>
yêu đương	<i>romance, dating</i>
nói sao đây ta	<i>how can I say</i>